

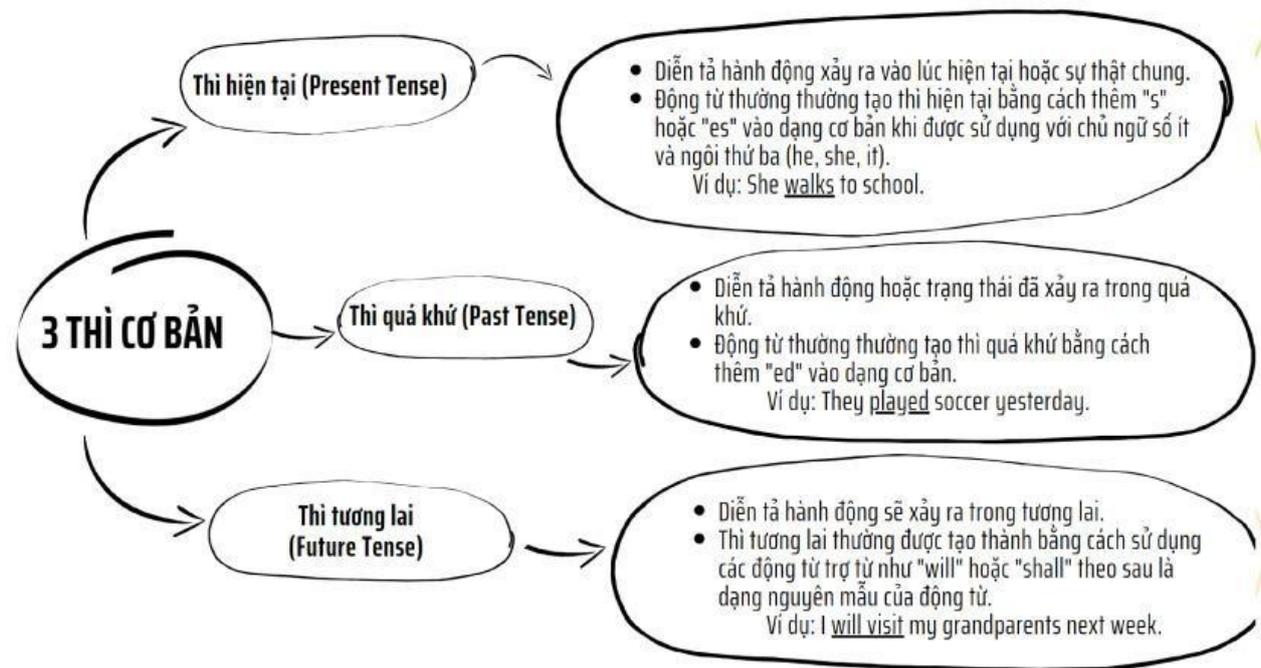
VERB WORD FAMILY

A/ CÁC HẬU TỔ THƯỜNG GẶP CỦA ĐỘNG TỪ:

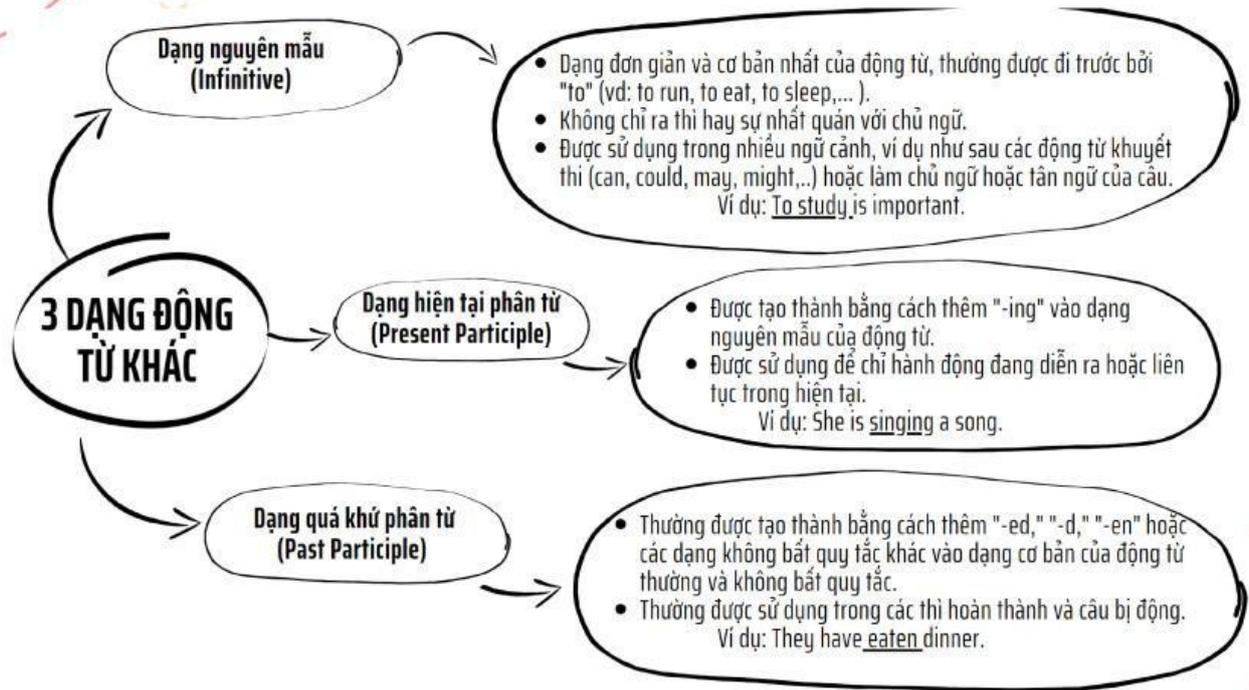


B/ CÁC DẠNG ĐỘNG TỪ TRONG TIẾNG ANH:

- Các thì chỉ thời gian diễn ra hành động hoặc trạng thái. Trong tiếng Anh có 3 thì cơ bản:



- Các dạng động từ cơ bản khác thường gặp:



- **Biến đổi động từ:** Động từ có thể thay đổi hình thức để phù hợp với chủ ngữ về ngôi (nhất, nhì, ba), số (đơn hay số nhiều) và giới tính (trong một số ngôn ngữ). Quá trình này được gọi là biến đổi động từ. Trong tiếng Anh, biến đổi động từ tương đối đơn giản so với các ngôn ngữ khác, và nó chủ yếu ảnh hưởng đến dạng số ít của ngôi thứ ba trong thì hiện tại.

Ví dụ: I walk, you walk, he/she/it walks, we walk, they walk.

C/ CÁC CẤU TRÚC CÓ CHỨA ĐỘNG TỪ:

1. Sau động từ là tính từ:

V + Adj

- Thông thường, tính từ sẽ đi sau động từ tobe hoặc các động từ liên kết như: Appear, become, get, seem, taste, look,...

Ví dụ: He *is smart and handsome*.

This dish *tastes delicious*.



2. Sau động từ là trạng từ:

V + Adverb

- Trạng từ thường đứng sau các động từ thường, nếu động từ có tân ngữ thì trạng từ sẽ đứng sau tân ngữ.

Ví dụ: She *drives carelessly*.

He *rides his father's car carefully*.

3. Sau động từ là tân ngữ:

V + O

- Thực tế, nội động từ không cần có tân ngữ theo sau vì đã đủ nghĩa. Bên cạnh đó, một số động từ có thể có hoặc không có tân ngữ theo sau.

Ví dụ: She *closes the book*. (Cô ấy đóng quyển sách.)

She *washes clothes*. (Cô ấy giặt quần áo.)



4. Sau động từ là 2 tân ngữ:

V + 2 O (S + indirect object + direct object)

Ví dụ: I **made** myself a cake.
Can you **bring** me some sugar?

5. Sau động từ là tân ngữ và bổ ngữ:

V + O + Complement

Ví dụ: We **elected** her our leader. (Chúng tôi đã bầu cô ấy là người lãnh đạo của chúng tôi.)
My friend **pronounced** himself fit for the match. (Bạn tôi tự nhận mình phù hợp với trận đấu.)

6. Sau động từ là tân ngữ và động từ

- **V + O + to infinitive**

Ví dụ: I **asked** her to find the way to the convenience store.
(Tôi hỏi cô ấy tìm đường đến cửa hàng tiện lợi.)

- **V + O + bare infinitive**

Ví dụ: My brother **helped** me paint the house.
(Anh trai tôi đã giúp tôi sơn nhà.)

- **V + O + Ving**

Ví dụ: I **recalled** him buying the car.
(Tôi nhớ lại việc anh ta mua chiếc xe.)



5.7. Sau động từ là tân ngữ và mệnh đề

- **V + O + Clause with "that"**

Ví dụ: He **informed** the director that he was leaving his job at the end of the month.
(Anh ta thông báo với giám đốc rằng anh sẽ nghỉ việc vào cuối tháng.)

- **V + O + Clause with "wh-"**

Ví dụ: My mother **told** me why she did it.
(Mẹ tôi nói với tôi lý do tại sao cô ấy đã làm điều đó.)

- **V + O + past participle**

Ví dụ: People **want reports** terminated immediately.
(Mọi người muốn báo cáo được kết thúc ngay lập tức.)

8. Sau động từ là tân ngữ và tính từ/cụm tính từ:

V + O + Adj/Adv Phrase

Ví dụ: The air conditioner **made our room** so much warmer.
(Điều hòa đã làm cho căn phòng của chúng tôi trở nên ấm áp hơn rất nhiều.)

9. Sau động từ là giới từ:

V + preposition + O hoặc V + O + preposition + V-ing

Ví dụ: They **were talking about** last night's movie.
(Họ đang nói về bộ phim tối hôm qua.)



10. Sau động từ là một động từ khác:

- **Auxiliary V + V**

+ Trợ động từ là những động từ hỗ trợ các động từ trong câu nhằm tạo các thể nghi vấn, phủ định trong câu. Trong tiếng Anh, có 12 trợ động từ. Bao gồm: be, can, do, have, may, dare, must, need, ought to, shall, will, used to.

Ví dụ: **May I help** you? (Tôi có thể giúp gì cho bạn?)

- **V + to V**

Ví dụ: He **decided to study** abroad to develop himself
(Anh quyết định đi du học để phát triển bản thân.)



- **V + bare infinitive**

Ví dụ: Does your boss *let* you *leave* early when you have an emergency?
(Sếp của bạn có để bạn về sớm khi bạn có việc đột xuất không?)

11. Sau động từ là danh động từ:

V + Gerund (V-ing)

Ví dụ: I *practice reading* English every week
(Tôi luyện đọc tiếng Anh mỗi tuần.)

12. Sau động từ là chủ ngữ:

V + S

Ví dụ: Right in front of us *is a great castle*. This castle has been built for thousands of years.
(Ngay trước mặt chúng ta là một lâu đài vĩ đại. Lâu đài này đã được xây dựng hàng nghìn năm.)



PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI TẬP DẠNG CHIA TỪ LOẠI

